

Số: 189 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH Một thành viên Hương Dương Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 286/QĐ-TTr ngày 17/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN), ngày 08/8/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại Công ty TNHH Một thành viên Hương Dương Gia Lai; thời kỳ thanh tra: từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên Hương Dương Gia Lai (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 37 Lý Thường Kiệt, phường Thăng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Số điện thoại liên hệ: 0976.190.378.
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901110825 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2019, thay đổi lần thứ 02 ngày 29/6/2022.
- Số chi nhánh trực thuộc: không.
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu: bảo quản, chế biến rau quả.
- Tài khoản số 62610001110620 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng lao động

1.1. Công tác quản lý, sử dụng người lao động Việt Nam (tại thời điểm ngày 31/7/2024)

- Tổng số người làm việc: 04 người.
- Số lao động thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là HĐLĐ): 04 người, trong đó:
 - + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 04 người.
- + HĐLĐ không xác định thời hạn: 0 người.
- Hợp đồng học nghề, tập nghề: 0 người.
- Số người thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.
- Số người không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người.
- Kiểm tra toàn bộ HĐLĐ đã giao kết với người lao động, mục công việc phải làm ghi chưa cụ thể “thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của giám đốc công ty”.

1.2. Công tác quản lý, sử dụng người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN)

1.2.1. Việc giải trình về nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng lao động; chấp thuận/không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động

- Số NLĐNN theo văn bản giải trình về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 05 người, gồm:

Stt	Vị trí công việc	Thời gian làm việc	Ghi chú
01	Lao động kỹ thuật	02 vị trí thời gian làm việc từ ngày 11/6/2023-11/6/2024; 01 vị trí thời gian làm việc từ ngày 10/5/2023-10/5/2024; 02 vị trí làm việc từ ngày 01/7/2024-01/7/2025	

- Số NLĐNN được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 05 người, gồm:

Stt	Vị trí công việc	Thời gian làm việc	Ghi chú
01	Lao động kỹ thuật	02 vị trí thời gian làm việc từ ngày 11/6/2023-11/6/2024; 01 vị trí thời gian làm việc từ ngày 10/5/2023-10/5/2024; 02 vị trí làm việc từ ngày 01/7/2024-01/7/2025	

1.2.2. Tổng số NLĐNN doanh nghiệp sử dụng tại thời điểm thanh tra: 01 người, trong đó:

- Số NLĐNN đã được cấp giấy phép lao động: 01 người.
- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 0 người.
- Số NLĐNN chưa được cấp phép lao động: 0 người.
- Việc thu hồi và nộp lại giấy phép lao động hết hiệu lực cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: 02 người.

1.2.3. Về giao kết HĐLĐ với NLĐNN

- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ: 01 người, trong đó:
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 01 năm: 01 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 năm trở lên: 0 người.
- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.

- Số NLĐNN không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người.

1.3. Việc quản lý, báo cáo tình hình sử dụng lao động

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

- Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật lao động về tiền lương, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

2.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

2.1.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đối với người lao động Việt Nam

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 04 người.

- Số lao động đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 0 người.

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia: 04 người (danh sách kèm theo).

- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 0 người.

2.1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT cho NLĐNN tại thời điểm thanh tra

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHYT: 01 người.

- Số lao động đã tham gia BHYT: 0 người; số chưa tham gia: 01 người (ký hợp đồng lao động từ ngày 01/8/2024, doanh nghiệp đã làm thủ tục báo tăng đến cơ quan BHXH).

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH: 0 người.

2.2. Tiền lương và việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT

2.2.1. Tiền lương:

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.860.000 đồng.

- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: không.

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: không.

- Các khoản hỗ trợ: tiền xăng xe, nhà ở, điện thoại, tiền ăn.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo tháng) và lương khoán.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động: không phát sinh.

2.2.2. Việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT từ tiền lương của người lao động

- Việc trích tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: không.

- Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHYT, BHTNLD-BNN: không.

- Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN: không.

- Việc niêm yết công khai định kỳ 06 tháng thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động: chưa phát sinh.

2.3. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động: không

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.2. Đã giải trình về nhu cầu sử dụng NLĐNN và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

1.3. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN.

1.4. Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương theo quy định.

1.5. Đã áp dụng mức lương tối thiểu vùng đúng quy định; đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động không đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi “thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của giám đốc công ty” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Không lập hồ sơ tham gia BHXH, BHYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động đối với 04 lao động giao kết HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng là không đúng quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Bảo hiểm xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 08/8/2024 về lĩnh vực lao động, BHXH, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với hành vi không lập hồ sơ tham gia BHXH, BHYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động đối với 04 lao động; chuyển Biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến Chánh thanh tra Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với doanh nghiệp

Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1.1. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

1.2. Khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

1.3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

2. Đối với Chánh thanh tra Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai

Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hành vi không lập hồ sơ tham gia BHXH, BHYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng lao động đối với 04 lao động.

Yêu cầu doanh nghiệp, Chánh thanh tra Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 15/10/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Chánh thanh tra Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai (để t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thu Thủy

